

**VAI TRÒ “TIỀN PHONG” CỦA THIỀN SƯ KHÁNH HÒA
TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1920-1945
QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ**

Tóm tắt: Trên cơ sở khảo cứu các tài liệu lưu trữ (ở Pháp và Việt Nam), các công trình nghiên cứu ở Việt Nam và các luận án tiến sĩ, bài viết góp phần làm sáng tỏ vai trò “tiền phong” của Thiền sư Khánh Hòa trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trong những năm 1920-1945 nói chung và vai trò đối với sự ra đời của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội nói riêng.

Từ khóa: Thiền sư Khánh Hòa, phong trào, chấn hưng, Phật giáo, lưu trữ, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong khoảng thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, dưới ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Châu Á, đặc biệt là ở Trung Quốc, ở Việt Nam cũng xuất hiện cuộc vận động chấn hưng Phật giáo, mà nơi khởi đầu là Nam Kỳ. Trải qua gần 10 năm vận động sôi nổi, đến năm 1931, phong trào đạt được địa vị hợp pháp, đánh dấu bằng sự ra đời của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội. Tiếp sau Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, các hội Phật giáo lần lượt được thành lập ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù mỗi hội Phật học có một chương trình hoạt động riêng nhưng tất cả đều nhằm mục tiêu phổ thông giáo lý Phật giáo bằng việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ra chữ Quốc ngữ, chinh đốn thiền môn, thiết lập kỷ luật tăng già, đào tạo một thế hệ thanh niên tu sĩ chân chính và hữu học.

Chấn hưng Phật giáo là một trong ba vấn đề quan trọng trong lịch sử tôn giáo ở Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX¹, chính vì vậy đã thu hút sự quan tâm của các học giả ở cả trong và ngoài nước, ở nhiều

* Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2; NCS Đại học Aix-Marseille và Viện Nghiên cứu Châu Á (Cộng hòa Pháp).

mức độ và khía cạnh khác nhau. Ở Việt Nam, chấn hưng Phật giáo được đề cập trước hết trong các tác phẩm về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Có thể kể tới các công trình của Mật Thể², Mai Thọ Truyền³, Vân Thanh⁴, Nguyễn Lang⁵, Nguyễn Tài Thư⁶, Nguyễn Duy Hinh⁷... Một số khía cạnh của phong trào cũng là đối tượng nghiên cứu của các học giả trong nước, chẳng hạn như Trần Văn Giàu quan tâm đến vấn đề tư tưởng và triết học Phật giáo⁸, trong khi đó Thích Thiện Hoa⁹, Thích Đồng Bôn¹⁰ lại giới thiệu một số gương mặt tiêu biểu của phong trào. Báo chí Phật giáo thu hút sự quan tâm của Thích Thanh Đạt¹¹, trong khi đó Nguyễn Thị Thảo¹² lại tìm hiểu về vấn đề văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo giai đoạn trước năm 1945. Nguyễn Quốc Tuấn tập trung tìm hiểu về đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX¹³.

Ở nước ngoài, phong trào chấn hưng Phật giáo được đề cập trong các nghiên cứu của Nguyễn Thế Anh¹⁴, Trịnh Văn Thảo¹⁵ (Pháp). Trong những năm gần đây, cũng đã thấy xuất hiện hai luận án tiến sĩ ở Hoa Kỳ tìm hiểu về chấn hưng Phật giáo. Đó là luận án tiến sĩ Triết học của Nguyễn Thị Minh¹⁶ và Ngô Đức Hoàng¹⁷. Nếu như Nguyễn Thị Minh khai thác khía cạnh giáo dục tăng chúng trong phong trào chấn hưng ở cả ba kỳ, thì luận án của Ngô Đức Hoàng lại tìm hiểu về vấn đề “nhập gian Phật giáo”.

Các công trình nghiên cứu kể trên đã nghiên cứu hoặc là phong trào chung hoặc là các phương diện, khía cạnh khác nhau của phong trào chấn hưng Phật giáo. Bên cạnh đó, nhiều công trình cũng đã đề cập đến nhiều nhân vật quan trọng trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở cả ba Kỳ. Chẳng hạn, Lê Tâm Đắc trong tác phẩm *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam 1924-1954* đã giới thiệu 10 gương mặt tiêu biểu của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ, Nguyễn Lang giới thiệu những đại diện tiêu biểu (tăng sĩ và cư sĩ) của cả ba Kỳ. Tuy nhiên, có một nhân vật rất quan trọng và là một trong hai nhân vật gắn liền với phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ - Thiền sư Khánh Hòa, nhưng các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc giới thiệu tiểu sử, hoặc đưa ra nhận định hết sức khái quát về vai trò của Thiền sư trong phong trào chấn hưng. Ví dụ, Nguyễn Lang, trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, có nhận xét rằng: “Công đầu của

phong trào chấn hưng thuộc về Thiền sư Khánh Hòa”¹⁸ hay Trần Hồng Liên cũng khẳng định rằng “Hòa thượng Khánh Hòa là vị tổ mở đầu phong trào chấn hưng Phật giáo trong người Việt ở Nam Bộ”¹⁹. Vậy, vai trò ấy là gì ? Bài viết này, trên cơ sở khảo cứu các hồ sơ lưu trữ ở Pháp và Việt Nam, góp phần làm sáng tỏ “công đầu” cũng như vai trò “tiên phong” của Thiền sư Khánh Hòa trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam trong những năm 1920-1945.

2. Vai trò của Thiền sư Khánh Hòa trong giai đoạn 1920-1945

Trước hết, Cần nhắc lại rằng, trong phong trào chấn hưng Phật giáo giai đoạn 1920-1945, trên cả ba Kỳ, có nhiều hội Phật giáo đã được thành lập. Theo Pascal Bourdeaux, đến năm 1935, ở Nam Kỳ có 6 hội, như Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, Lương Xuyên Phật học Hội, Thiên thai Thiền giáo tông lương hữu Hội...²⁰, ở Trung Kỳ có hai hội là Annam Phật học Hội và Đà thành Phật học²¹, ở Bắc Kỳ có Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Chính các hội Phật giáo, Phật học này giữ vai trò chủ đạo trong các hoạt động chấn hưng.

Trong số các hội đó, Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội ra đời sớm nhất. Sự ra đời của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội có một ý nghĩa quan trọng, không những đạt được địa vị hợp pháp mà còn có tác dụng cổ vũ đối với tầng sĩ, trí thức trong việc vận động thành lập các hội Phật học ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù đến tháng 8 năm 1931, Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội mới chính thức được thành lập, nhưng những ý tưởng về việc thành lập một hội Phật giáo đã xuất hiện từ cuối năm 1927 và tác giả của nó, không ai khác, chính là Thiền sư Khánh Hòa.

Thiền sư Khánh Hòa sinh năm 1877, tại làng Phú Lễ, tổng Bảo Trị (Bến Tre). Vào thời điểm năm 1927, ngài trụ trì chùa Tiên Linh, ở Tân Hương (Bến Tre). Trên thực tế, liên quan đến vấn đề năm sinh của Ngài, các tài liệu hiện nay chưa có ý kiến thống nhất. Trần Hồng Liên trong *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến năm 1975* cũng như Vân Thanh trong *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo* đều cho rằng Hòa thượng Khánh Hòa sinh năm 1878, trong khi đó Nguyễn Lang lại cho rằng Hòa thượng sinh năm 1877. Căn cứ vào kê khai của Hòa thượng trong hồ sơ xin phép thành lập Hội Phật giáo năm 1927 thì Hòa thượng Khánh Hòa sinh năm 1877²².

Hòa thượng Khánh Hòa, lúc nhỏ tên là Lê Văn Hiệp, con của ông Lê Văn Chất và bà Thị Nương. Lúc thơ bé được học Tứ Thư Ngũ Kinh với cụ Đồ Chiểu, và chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của cụ Đồ. Ngài xuất gia năm 18 tuổi, tại chùa Khải Tường, lễ thiền sư Chơn Tánh làm thầy. Sau đó lại theo học sư tổ Chánh Tâm, một bậc danh đức thời bấy giờ ở chùa Kim Cang, làng Bình Cang, Thủ Thừa, tỉnh Tân An. Theo học với tổ Kim Cang 10 năm, đến năm 1906 tổ Kim Cang thị Phật, sau đó, vào năm 1907, Thiền sư Khánh Hòa được dân làng và bốn đạo chùa Tiên Linh làng Tân Hương mời về trụ trì chùa này. Nhận xét về Thiền sư Khánh Hòa, Nguyễn Lang viết : “Ông rất có chí cầu học, hễ nghe ở đâu có bậc cao tăng là tìm tới họ để thọ giáo. Năm 28 tuổi, trong kỳ kiết hạ tại chùa Long Hoa ở quận Gò Vấp, Gia Định, ông được mời giảng kinh Kim Cương Chư Gia cho đại chúng. Đây là lần đầu ông làm giảng sư Phật học. Ông được các bậc tôn túc khen ngợi và từ đó tiếng tăm ông được đồn xa”²³. Khi trụ trì chùa Tiên Linh, nhận thấy tình trạng thất học của tăng đồ, Phật pháp suy đồi nên Hòa thượng Khánh Hòa tận lực giáo hóa. Chính vì vậy, ngôi chùa Tiên Linh do Ngài trụ trì đã trở thành trường học để dạy chư tăng thời bấy giờ.

Riêng đối với phong trào chấn hưng Phật giáo trong những năm 1920 đến 1945, Hòa thượng Khánh Hòa là người sớm có chí nguyện, đồng thời cũng là người tiên phong và có thể coi là vị kiến trúc sư trưởng trong việc thành lập hội Phật giáo để lo việc chấn hưng Phật giáo.

Hiện nay, trong các kho lưu trữ ở Pháp và Việt Nam, chúng tôi tìm thấy các hồ sơ cho phép làm sáng tỏ nhận định nêu trên. Ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, có hai hồ sơ D.62/432 và D9.56/58 (phông Phủ Thống đốc Nam Kỳ), và ở Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp (Aix-en-Provence) cũng có hồ sơ 65539 (phông Phủ Toàn quyền Đông Dương) và hồ sơ 227 (phông Phủ Thống sứ Cao Miên).

Trước hết, hồ sơ D9.56/58 cho biết, vào tháng 12 năm 1927, thông qua M. Guigues, Hòa thượng Khánh Hòa, với tư cách là Hội trưởng tạm thời, đã đệ trình hồ sơ xin phép thành lập Hội Phật giáo (Association des Bouddhistes) lên Thống đốc Nam Kỳ. Riêng đối với sự kiện này, có hai vấn đề cần nghị luận. Thứ nhất, thời điểm xin phép

lập hội, tháng 12 năm 1927 và *thứ hai* là nội dung cụ thể hồ sơ xin lập hội mà Hòa thượng Khánh Hòa đã đệ trình. Việc phân tích hai nội dung này sẽ cho thấy rõ tâm huyết của Hòa thượng Khánh Hòa trong sự nghiệp chấn hưng Phật giáo.

Cuộc vận động chấn hưng Phật giáo xuất hiện trên báo chí quốc ngữ khoảng cuối năm 1923 đầu năm 1924²⁴, và thực sự sôi nổi kể từ năm 1927, với những đại diện tiêu biểu như sư Lai (chùa Hang, Thái Nguyên, Bắc Kỳ), sư Thiện Chiếu (Nam Kỳ)... Trong khi các vị này còn đang bàn luận về chương trình chấn hưng, chẳng hạn như chương trình 10 điểm của sư Lai²⁵ thì cuối năm 1927, Hòa thượng Khánh Hòa đã bắt đầu xin phép thành lập hội Phật giáo. Theo chúng tôi, hành động này của Hòa thượng Khánh Hòa được khích lệ bởi những tin tức về sự hoạt động của Hội Phật giáo Trung Quốc. Nếu những thông tin mà cuốn *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh* là chính xác thì nhận định này hoàn toàn có cơ sở. Trang 81, tác phẩm này viết “Ngày 10 tháng 7 năm 1927, mãn hạ, Hòa thượng Khánh Hòa về (từ chùa Long Khánh, Quy Nhơn, Trung Kỳ) ghé chùa Linh Sơn (Sài Gòn), gặp Thiện Chiếu giới thiệu Điều lệ Hội Phật giáo Trung Quốc”²⁶.

Tuy nhiên, ý tưởng thành lập hội Phật giáo với tư cách như một biện pháp để chấn hưng Phật giáo đã xuất hiện trên báo chí Quốc ngữ ở Việt Nam ngay từ năm 1926, mà tác giả của nó là một người Pháp, ông G. Robert, Đốc học trường Trung học Pháp-Hoa (Chợ Quán). Khảo cứu một số tờ báo Quốc ngữ nổi tiếng thời bấy giờ như *Đông Pháp*, *Đông Pháp thời báo*, *Khai hóa nhật báo*, *Thực nghiệp dân báo*,... trong hai năm 1925-1926, chúng tôi thấy xuất hiện một số bài viết về Phật giáo. Trong số đó, đáng chú ý là bài viết “*Vì sao đạo Phật đáng cho hết thảy dân cõi cực Đông sùng bái*” của G. Robert đăng trên ba số báo Đông Pháp, ra ngày 13, 16 và 18 tháng 11 năm 1926. Trong bài viết này, ông Robert đã chỉ ra những điều cốt yếu của Phật giáo nguyên thủy. Sau đó, khi liên hệ với Phật giáo ở các nước cực Đông, như Trung Quốc, Nhật Bản thì ông nhận thấy, Phật giáo ở đây bị “sai khác” nhiều lắm so với đạo gốc. Riêng đối với Phật giáo ở xứ Đông Pháp ông nhận thấy rằng “chín nghìn chín trăm chín mươi chín người xưng mình là theo Phật giáo, nhưng

không biết Phật giáo là cái gì ráo. Theo ý mấy người ấy, theo Phật giáo là theo chùa miếu và theo mấy điều dị đoan thô kịch đó”²⁷. Tuy nhiên, theo Robert, thực trạng đó hoàn toàn có thể thay đổi được. Và biện pháp mà ông đưa ra là thành lập một hoặc nhiều hội “Annam chuyên học về Phật”. Các hội này phải tập hợp những người Annam giỏi về khoa học cũng như triết học Phương Tây, đọc hiểu, giải nghĩa và bình luận được các sách Phật bằng tiếng Pháp, tiếng Anh. Hội lập rồi thì những người trong hội phải “diễn thuyết phép Phật”, “in sách về phép Phật ra cho nhiều”, “phải coi xét cách chọn lựa thầy chùa Annam cùng cách ăn học của mấy thầy chùa ấy”, cuối cùng lập ra “trường cao đẳng về Phật học”. Quan trọng hơn nữa, ông Robert khẳng định, việc chấn hưng Phật giáo ở xứ Đông Pháp không hề trái với lợi ích của nước Pháp ở xứ này.

Ý kiến của Robert về việc chấn hưng Phật giáo thực sự có ảnh hưởng lớn đến một bộ phận sư tăng cũng như những người có tư tưởng chấn hưng Phật giáo thời bấy giờ. Bằng chứng là bài báo cũng như ý kiến của ông Robert được đề cập trong các bài viết vận động chấn hưng Phật giáo của nhiều vị tăng sĩ cũng như cư sĩ trong năm 1927, như của sư Lai (Bắc Kỳ), của Bất Tài Tử, thậm chí Thần Nông báo - một tờ báo phổ thông kiến thức trong lĩnh vực nông nghiệp do Nguyễn Gia Huy làm chủ nhiệm, trụ sở tại số 93 đường Carreau, Hà Nội (nay là đường Lý Thường Kiệt) còn đăng lại một phần nội dung của bài viết trong số 90, ra ngày 21 và 29 tháng 11 năm 1931.

Mặc dù, hiện tại chúng tôi không tìm thấy một dẫn chứng nào cho phép khẳng định sư Khánh Hòa trong cuộc vận động thành lập hội Phật giáo có chịu ảnh hưởng từ bài viết này hay không, nhưng rõ ràng bài báo của Robert là sự cổ vũ và động viên rất lớn đối với tăng sĩ và cư sĩ trong cuộc vận động chấn hưng Phật giáo. Một điều đáng chú ý nữa là, năm 1931, khi Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội được thành lập, ông G. Robert có tên trong danh sách hội viên danh dự. Điều này chắc chắn không phải ngẫu nhiên.

Trở lại vấn đề hồ sơ xin phép lập hội của Hòa thượng Khánh Hòa cuối năm 1927. Hồ sơ này gồm có đơn xin thành lập hội, dự thảo Điều lệ, bản khai về mục đích thành lập Hội Phật giáo và đơn xin xuất bản tạp chí Từ Bi Âm. Căn cứ vào các giấy tờ nêu trên, có thể biết được

những nội dung cụ thể liên quan đến Hội Phật giáo như về tên hội, mục đích thành lập, các hạng hội viên...

Về tên hội, chủ trương thành lập một hội của các tín đồ theo Phật giáo ở Nam Kỳ lấy tên là “Hội Phật giáo” (L’Association des bouddhistes). Hội này sẽ đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn.

Hội Phật giáo được thành lập nhằm 10 mục đích, gồm, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các tín đồ Phật giáo trên con đường tu học; Nâng cao hiểu biết về Phật giáo trên cơ sở nghiên cứu kinh điển; Bảo tồn giáo lý Phật giáo, thiết lập trật tự và kỷ luật tăng giới; Cập nhật cho hội viên những tin tức liên quan đến Phật giáo; tổ chức các buổi lễ Phật tại hội quán trung ương cũng như ở các địa phương; thành lập trường Phật học; mở thư viện; xuất bản kinh sách bằng chữ *Quốc ngữ*; tổ chức các cuộc diễn giảng; xuất bản một tờ nguyệt san làm cơ quan ngôn luận của hội. Cũng theo tài liệu trong hồ sơ này cho biết, thì tờ tạp chí này sẽ lấy tên là Từ Bi Âm, in bằng chữ Quốc ngữ, nhằm mục đích làm cơ quan tuyên truyền giáo lý của Phật giáo cũng như cập những thông tin trong Hội²⁸.

Mặc dù còn rất khái quát, nhưng những mục đích được nêu ra, rõ ràng cho phép nhận định rằng, Hội rất chú trọng đến việc phổ thông giáo lý Phật giáo. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động xuất bản kinh sách bằng chữ Quốc ngữ cũng như tạp chí Từ Bi Âm và tổ chức diễn giảng. Cần nhắc lại ở đây rằng, lúc bấy giờ kinh điển Phật giáo ở Việt Nam chủ yếu bằng chữ Hán, nhưng do Khổng giáo suy tàn, nên chỉ một bộ phận nhỏ chư tăng có thể thông hiểu kinh điển, trong khi đó chữ Quốc ngữ lại đang được sử dụng ngày càng rộng rãi. Chính vì vậy, việc xuất bản tạp chí Phật học, sách vở bằng chữ Quốc ngữ sẽ góp phần phổ thông Phật giáo đến đông đảo công chúng. Sau này, khi các hội Phật giáo được thành lập ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, trong chương trình hoạt động của mình đều chú trọng đến việc này. Bên cạnh việc phổ thông giáo lý, Hội Phật giáo mà Hòa thượng Khánh Hòa chủ trương thành lập cũng chú trọng đến việc chấn chỉnh nội bộ tăng già, thông qua việc thiết lập trật tự và kỷ luật trong tăng giới.

Tuy nhiên, rất tiếc rằng, hồ sơ xin lập Hội Phật giáo đã không được chính quyền thuộc địa chấp nhận, bởi vì, bản dự thảo của Hội có ghi

rằng, những người không Phật giáo cũng có thể trở thành hội viên thường trợ. Phía cảnh sát nhận định rằng, điều khoản này “mang tính chất mở”.

Mặc dù thất bại, nhưng chí nguyện thành lập Hội Phật giáo của Hòa thượng Khánh Hòa không vì thế mà mất đi.

Ngày 1 tháng 4 năm 1928, Hòa thượng Khánh Hòa cùng với các ông Trần Văn Hương (chủ chùa Chúc Thọ, làng Nhị Hòa, Biên Hòa), Lê Trí Chắt (chủ chùa An Phước, làng Tân Phú Đông, Sa Đéc), Phạm Văn Khuê (chủ chùa Thanh Lương, làng Mỹ Khánh, Biên Hòa), Trương Tấn Phát (chủ chùa Chúc Thọ, làng Hanh Thông, Gia Định), Thái Văn Cơ (chủ chùa Phước Long, làng Mỹ Chánh, Long Xuyên), Nguyễn Văn Tài (tức sư Thiện Chiếu, chùa Linh Sơn, đường Douaumont, Sài Gòn) đã tu chỉnh lại bản dự thảo Điều lệ năm 1927 và tiếp tục xin phép thành lập Hội Phật giáo. Bản dự thảo điều lệ lần này gồm 6 chương và 41 điều khoản, quy định về các khoản như tên hội, mục đích, hoạt động, vào hội-thôi hội, sự quản trị,... So với điều lệ năm 1927, bản dự thảo lần này có điều chỉnh một số nội dung, chẳng hạn như về các hạng hội viên, nếu như điều lệ năm 1927 quy định có 5 hạng, thì điều lệ năm 1928 rút xuống còn ba hạng, gồm tán trợ hội viên, chủ trì hội viên và thường hội viên, trong khi đó mục đích và nội dung hoạt động về cơ bản vẫn được giữ nguyên. Cụ thể:

“Điều 2: Mục đích của hội là liên hiệp tăng đồ và tín đồ để phát dương Phật giáo, sở dĩ cứu tế thế gian cho được an vui về phần xác và siêu thoát về linh hồn.

Điều 3: Cho đạt cái mục đích ấy thì hội chuyên:

1) Lập:

a. Những trường Phật học để đào tạo cho tăng đồ và tín đồ đủ tư cách đăng tuyên truyền giáo nghĩa của đạo Phật.

b. Những thư viện để cho hội viên dùng

2) Tổ chức những cuộc giảng kinh mỗi tháng 2 kỳ

3) Mở:

a. Một tạp chí làm cơ quan cho hội, mỗi tháng xuất bản một kỳ

b. Cuộc tu thơ đăng dịch ra quốc văn các bản chữ ngoại quốc đã chép kinh điển chân truyền cũ, lại dịch các thứ sách trừ danh luận về đạo Phật.

4) Lập nhà truat cô, nhà dưỡng lão và nhà y tế cho kẻ nghèo nhờ²⁹.

Theo quy định thời bấy giờ, hồ sơ xin phép thành lập Hội Phật giáo được chuyển đến sở cảnh sát để điều tra. Kết quả điều tra ngày 9 tháng 6 năm 1928, phía cảnh sát nhận định thái độ chính trị của một số hội viên sáng lập “có vấn đề”. Ông Trương Tấn Phát (chủ chùa Chúc Thọ) có qua lại với Bùi Quang Chiêu³⁰; ông Thái Văn Cơ gia nhập đạo Cao Đài; ông Thiện Chiếu đã từng cộng tác với “Pháp Việt Nhứt Gia”. Bên cạnh đó, trong hồ sơ có điểm không hợp lý, đó là việc ông Trần Văn Hương đã mất ngày 14 tháng 10 năm 1926 (Âm lịch) nhưng trong bản Dự thảo, soạn thảo ngày 1 tháng 4 năm 1928 vẫn có chữ ký của ông. Mặc dù khẳng định, phần lớn những người sáng lập Hội Phật giáo có đạo hạnh tốt, nhưng phía cảnh sát cũng hết sức lưu ý rằng Hội Phật giáo phải được giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng mượn vỏ bọc chấn hưng Phật giáo để khích lệ tinh thần dân tộc đối với dân bản xứ.

Kết quả cuối cùng là đề nghị thành lập Hội Phật giáo năm 1928 vẫn không được nhà cầm quyền chấp nhận. Như vậy, trong vòng 5 tháng (tháng 12 năm 1927 đến tháng 4 năm 1928), mặc dù Hòa thượng Khánh Hòa đã hai lần xin phép thành lập Hội Phật giáo, nhưng đến giữa năm 1928, vẫn chưa có Hội nào được phép thành lập ở Nam Kỳ.

Trước tình hình đó, Hòa thượng Khánh Hòa đã hợp tác cùng với ông Trần Nguyên Chấn (thường gọi là Commis Chấn), làm việc tại Sở Đốc lý Sài Gòn. Bài báo *Une interview de M. Chấn, promoteur de l'oeuvre de la reconnaissance du bouddhisme* đăng trên báo L'Opinion, nằm trong hồ sơ 65539 (lưu trữ tại Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp) cho biết, ông Trần Nguyên Chấn, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1884, là một người sùng Phật giáo và cũng là người có nguyện vọng bảo tồn Phật giáo ở Nam Kỳ. Bản thân ông đã cho đúc 500 pho tượng bằng xi măng, một nửa trong số đó, ông đã đem tặng các chùa ở Nam Kỳ, số còn lại được trưng bày trong chùa Linh Sơn. Tiếp đó, với sở nguyện phục hưng Phật giáo ở Nam Kỳ ông đã tham khảo nhiều nhà

sư ở Nam Kỳ và cuối cùng tìm được Hòa thượng Khánh Hòa, trụ trì chùa Tiên Linh, ở Bến Tre, một bậc tu hành uyên bác và nhiệt thành.

Mặc dù vẫn kiên trì chủ trương thành lập Hội Phật giáo, nhưng trước khi tiến tới thành lập chính thức, quá trình lập hội phải trải qua nhiều bước đệm.

Trước hết, Hòa thượng Khánh Hòa cùng với ông Trần Nguyên Chấn và một số vị khác thành lập Ban Bảo tồn Phật giáo (*Le comité pour la Conservation du bouddhisme*). Ban này do Hòa thượng Khánh Hòa làm Chánh trưởng ban; ông Trần Nguyên Chấn làm Phó trưởng ban, và được sự ủng hộ của chư tăng 15 chùa ở Nam Kỳ. Vì không lấy tên “hội”, nên theo tôi (TG) việc thành lập Ban Bảo tồn có lẽ không phải xin phép nhà cầm quyền.

Tiếp theo, những người đứng đầu Ban Bảo tồn Phật giáo xin phép chính quyền thành lập Thư viện Phật học với tên gọi Pháp Bảo Phương và Duyệt Kinh Thất (phòng đọc) vào tháng 9 năm 1929. Việc xin phép thành lập Pháp Bảo Phương và Duyệt Kinh Thất cũng không hề dễ dàng. Sau khoảng một tháng, đơn xin thành lập Thư viện và Duyệt Kinh Thất vẫn chưa được chính quyền phê chuẩn. Do vậy, ngày 7 tháng 10 năm 1929, ông Trần Nguyên Chấn viết thư cho bà Karpelès, Thư ký của Viện Phật giáo ở Phnom-Penh. Trong thư, ông Trần Nguyên Chấn trình bày nguyện vọng thành lập Thư viện Phật học, Duyệt Kinh Thất và nếu có thể sẽ thành lập một Trường Phật học nhằm mục đích bảo tồn Phật giáo cổ truyền ở Nam Kỳ và nhờ bà Karpelès bằng uy tín và địa vị khoa học của mình tác động tới Thống đốc Nam Kỳ³¹.

Tài liệu lưu trữ hiện nay không cho biết chính quyền thuộc địa cho phép Ban Bảo tồn Phật giáo thành lập Thư viện Phật học và Duyệt Kinh Thất vào thời gian nào nhưng lễ khánh thành Thư viện Phật học và Duyệt Kinh Thất đã diễn ra vào ngày 21 tháng 12 năm 1929. Sự kiện này được báo chí hồi đó đưa tin cũng như được đề cập trong báo cáo của sở cảnh sát.

Tham dự buổi lễ có ông Eutrope đại diện cho Thống đốc Nam Kỳ, ông Me Béziat - Đốc lý thành phố, cùng với nhiều quan chức Nam, Pháp và các chư tăng, tín đồ Phật giáo. Trước sự hiện diện của đại

diện chính quyền và chư tăng, ông Trần Nguyên Chấn có một bài phát biểu trang trọng bằng tiếng Pháp. Trong bài phát biểu này, ông Trần Nguyên Chấn nói rõ mục đích của Thư viện Phật học và Duyệt Kinh Thất nhằm chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ. Vì Phật giáo vốn là một tôn giáo cổ truyền của người Việt, nhưng lại đang đứng trước nguy cơ bị diệt vong do sự xuất hiện của đạo Cao Đài. Ý tưởng này của ông phù hợp với chủ trương của Toàn quyền Đông Dương Pasquier. Tháng 7 năm 1929, nhân cuộc viếng thăm các tỉnh miền Tây, Pasquier nói rằng “*Quyết định thành lập một Viện Phật giáo ở Nam Kỳ để bảo tồn tôn giáo này*”. Nhưng theo ông Trần Nguyên Chấn, trước mắt, Thư viện Phật học mang lại nhiều lợi ích cho Phật giáo ở Nam Kỳ hơn. Thư viện này tàng trữ kinh sách Phật, bằng chữ Hán, chữ Pháp và các tiếng nước ngoài. Tại thời điểm khánh thành, thư viện có 820 tập của bộ Tục Tạng Kinh được đặt mua tại Thượng Hải, và 100 tác phẩm Phật giáo bằng tiếng Pháp được đặt mua tại Paris. Thư viện bắt đầu mở cửa phục vụ công chúng (cả tăng và tục) kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1930. Ông Trần Nguyên Chấn hy vọng sẽ xây dựng Pháp Bảo Phương thành hạt nhân cho Phật giáo ở Nam Kỳ.

Cùng với việc thành lập Thư viện Phật học, những người chủ trương chấn hưng cũng quan tâm đến việc xin phép xuất bản tạp chí Phật học bằng chữ Quốc ngữ. Cụ thể tháng 9 năm 1929, ông Phạm Ngọc Vinh gửi đơn cho Thống đốc Nam Kỳ, xin phép xuất bản tạp chí Từ Bi Âm bằng chữ Quốc ngữ. Ông Phạm Ngọc Vinh sinh ngày 15 tháng 12 năm 1903 tại làng Phú Tài, tổng Đức Thắng (Phan Thiết), trong một gia đình quan lại. Cha là ông Phạm Ngọc Quát, Thượng thư triều đình Huế, mẹ là bà Trà Thị Thức. Bản thân Phạm Ngọc Vinh làm việc tại ngân hàng Đông Pháp từ năm 1923, và là con rể của ông Trần Nguyên Chấn. Ngày 30 tháng 4 năm 1931, nghị định số 2683 do Toàn quyền Đông Dương René Robin ký, cho phép ông Phạm Ngọc Vinh được phép xuất bản tạp chí Từ Bi Âm bằng chữ Quốc ngữ, mỗi tháng một kỳ³².

Bước tiếp theo là việc xin phép thành lập hội Phật giáo. Ngày 28 tháng 12 năm 1929, ông Trần Nguyên Chấn thay mặt Ban Trị sự tạm thời đệ trình hồ sơ xin phép thành lập *Association pour l'Etude et la Conservation du Bouddhisme en Cochinchine* (tạm dịch: Hội Nghiên

cứu và Bảo tồn Phật giáo Nam Kỳ) lên Thống đốc Nam Kỳ. Hồ sơ này gồm đơn, bản Dự thảo Điều lệ của Hội và danh sách Ban trị sự tạm thời. Ban trị sự tạm thời gồm có 8 vị, trong đó tăng sĩ chỉ có một người duy nhất là Thiền sư Khánh Hòa, 7 người còn lại đều là cư sĩ và đều giữ các chức vụ trong các cơ quan hành chính, hăng sỏ của chính quyền thuộc địa³³. Chính quyền thuộc địa nghiên cứu rất tỉ mỉ hồ sơ xin phép lập hội, và để đạt được sự phê chuẩn của chính quyền, bản dự thảo điều lệ cũng trải qua nhiều lần bổ sung và chỉnh sửa. Lần cuối cùng là ngày 19 tháng 8 năm 1931. Ông Trần Nguyên Chấn, thay mặt Ban Trị sự tạm thời *Association pour l'Etude et la Conservation du Bouddhisme en Cochinchine* gửi lên Thống đốc Nam Kỳ bản Dự thảo Điều lệ được hoàn thiện theo sự hướng dẫn của bức thư số 7190 ngày 7 tháng 8 năm 1931. Đồng thời, ông cũng xin được bổ sung thêm hai chữ “Nam Kỳ” vào tên Hội bằng chữ Quốc ngữ, vừa để diễn tả nghĩa chữ “Cochinchine” sang tiếng Việt, vừa để phân biệt với Viện Phật học ở Phnom-Penh và Phật giáo Nam tông ở Campuchia và Lào. Sau gần hai năm kể từ ngày đệ trình hồ sơ xin phép thành lập, ngày 26 tháng 8 năm 1931, Thống Đốc Nam Kỳ, J. Krautheimer, đã phê chuẩn bản Điều lệ của Hội và cho phép Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội được thành lập, quyết định số 2062³⁴.

Theo bản Điều lệ được phê chuẩn, hội quán của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội đặt tại chùa Linh Sơn, đường Douaumont, Sài Gòn, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Chánh Hội trưởng. Bản Điều lệ cũng cho biết, mục đích của Hội nhằm sùng thượng Phật giáo tại chùa Linh Sơn, đường Douaumont, Sài Gòn và tu bổ chùa ấy; lo sự tu bổ và hành động ngôi Pháp Bảo Phương và ngôi Duyệt Kinh Thất lập tại chùa ấy, và mua kinh sách chữ Pháp và chữ Hán nói về Phật giáo trừ thêm trong ngôi Pháp Bảo Phương; dịch ra chữ Quốc ngữ những kinh sách bằng chữ Hán; lập tại chùa Linh Sơn một Thích học đường để dạy tăng đồ học đạo.

Bốn tháng sau khi thành lập, Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội xuất bản tạp chí Từ Bi Âm làm cơ quan ngôn luận cũng như truyền bá Phật giáo. Số đầu tiên ra mắt bạn đọc ngày 1 tháng 1 năm 1932. Tòa soạn tạp chí đặt tại chùa Linh Sơn, do Hòa thượng Khánh Hòa làm chủ nhiệm.

So với mục đích và hoạt động của dự thảo điều lệ Hội Phật giáo năm 1927, Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội đã giữ lại những “ý tưởng công trình” quan trọng như xuất bản tạp chí Từ Bi Âm, phiên dịch và xuất bản kinh sách bằng chữ Quốc ngữ. Tác giả của những công trình đó, không ai khác là Hòa thượng Khánh Hòa.

Tuy nhiên, Hòa thượng Khánh Hòa cũng chỉ giữ những chức vụ này trong khoảng gần 2 năm. Sao đó, do “Hội đã bị một số cá nhân dùng địa vị xã hội của họ để khuynh loát và hướng dẫn về một nẻo khác”³⁵ nên Hòa thượng Khánh Hòa từ chức trong Ban Trị sự cũng như Chủ nhiệm tạp chí Từ Bi Âm. Cuối năm 1933, Ngài về chùa Long Hoa, tổ chức Phật học đường lưu động lấy tên là Liên đoàn Phật học xã, rồi lại chuyển sang thành lập Lưỡng Xuyên Phật học Hội vào năm 1934.

3. Kết luận

Như vậy, qua sự trình bày ở trên, có thể khẳng định rằng Hòa thượng Khánh Hòa chính là vị tiên phong và là tác giả của chủ trương thành lập Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội và tạp chí Từ Bi Âm. Bản thân Hòa thượng đã tích cực vận động thành lập Hội Phật giáo trong hai năm 1927-1928, tuy nhiên, cả hai lần xin phép đều không được chính quyền thuộc địa chấp nhận. Kinh nghiệm sau hai lần thất bại đã đưa đến sự hợp tác giữa Hòa thượng Khánh Hòa - là người có trình độ Phật học uyên bác, lại có sẵn chủ trương hành động về việc chấn hưng và ông Trần Nguyên Chấn - người có địa vị xã hội, có khả năng tài chính, nhiệt thành sùng Phật cùng với các viên chức trong các cơ quan hành chính của chính quyền thuộc địa. Sự hợp tác này đã đưa đến sự ra đời của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội vào năm 1931. Đây là hội Phật giáo đầu tiên trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam. Với sự xuất hiện của Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, phong trào chấn hưng Phật giáo không những đạt được địa vị hợp pháp mà còn khuyến khích các nhà trí thức cùng các vị tăng sĩ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ tích cực vận động đưa đến sự ra đời của các hội Phật học ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ trong các năm sau đó./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Thế Anh (2008), “Les principaux courants de pensée religieuse du Vietnam au XX^e siècle”, in Nguyễn Thế Anh, *Parcours d'un historien du Vietnam*, Paris, Les Indes savantes: 623-633.
- 2 Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 232-234.
- 3 Mai Thọ Truyền (2007), *Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 98-102.
- 4 Vân Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*, Sài Gòn: 185-227.
- 5 Nguyễn Lang (1985), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Paris, Lá Bối; tái bản lần thứ 2, San Jose-USA, 1993, tr. 13-179.
- 6 Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 428-472.
- 7 Nguyễn Duy Hinh (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội: 524-593.
- 8 Trần Văn Giàu (1971), “Phong trào chấn hưng Phật giáo và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh thế giới”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 139: 8-21, số 140: 7-19.
- 9 Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm (1920-1970) Chấn hưng Phật giáo Việt Nam hay là "ghì ơn tiền bối"*, Sài Gòn.
- 10 Thích Đồng Bôn (chủ biên, 1996), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành: 79-220.
- 11 Thích Thanh Đạt (1994), *Báo chí Phật giáo với phong trào chấn hưng Phật giáo 1930-1945*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- 12 Nguyễn Thị Thảo (2014), *Văn học và Phật học trên báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- 13 Nguyễn Quốc Tuấn (2013), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- 14 Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Vietnam*, Paris, Les Indes savantes, les chapitres "L'engagement politique du bouddhisme au sud du Vietnam dans les années soixante" et "Les principaux courants de pensée religieuse du Vietnam au XX^e siècle", pp. 614-633.
- 15 Trịnh Văn Thảo (2007), *Vietnam du Confucianisme au Communisme*, Paris, L'Harmattan: 305-309.
- 16 Nguyễn Thị Minh (2007), *Buddhist monastic education and regional revival movements in early twentieth century Vietnam*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Université de Wisconsin, Madison.
- 17 Ngô Đức Hoàng (2015), *Building a New House for the Buddha: Buddhist Social Engagement and Revival in Vietnam, 1927-1951*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Université de Washington, Washington.
- 18 Nguyễn Lang (1985), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Lá Bối xuất bản lần thứ nhất: 51.
- 19 Trần Hồng Liên (1995), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến năm 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 49.
- 20 Pascal Bourdeaux (2003), *Émergence et constitution de la communauté du Bouddhisme Hòa Hảo: Contribution à l'histoire sociale du delta du Mékong, 1935-1955*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Paris, École Pratique des Hautes Études: 85.

- 21 Ngô Đức Hoàng (2015), *Building a New House for the Buddha: Buddhist Social Engagement and Revival in Vietnam, 1927-1951*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Université de Washington, Washington: ii.
- 22 Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D9. 56/58.
- 23 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Lá Bối xuất bản lần thứ nhất, Paris 1985; Lá Bối in lần thứ hai, San-Jose, USA, 1993: 51.
- 24 Nguyễn Thị Minh (2007), *Buddhist monastic education and regional revival movements in early twentieth century Vietnam*, Luận án Tiến sĩ triết học, Université de Wisconsin, Madison: 134-137.
- 25 Chương trình 10 điểm gồm: lập Phật giáo tổng hội, lập Phật gia công học hội, lập Phật học tu thư xã, lập giảng đàn, lập trường học cho các con cái thiện tín học, lập thư viện trong các chùa, lập ra cuộc y tế trong các chùa, lập nhà bảo cô, tức là nhà để nuôi trẻ mồ côi, lập nhà nuôi kẻ khó, dạy nữ công cho con cái thiện tín.
- 26 Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh, 1600-1992*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 81.
- 27 G. Robert (1926), “Vì sao đạo Phật đáng cho hết thảy dân cỗi cực đông sùng bái, *Đông Pháp*, ngày 13, 16 và 18 tháng 11.
- 28 Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D9. 56/58.
- 29 Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D.62/432.
- 30 Ông là người đã cổ động phong trào duy tân của Phan Châu Trinh cũng như hoạt động của Phan Bội Châu. Đồng thời ông còn thành lập Đảng Lập Hiến Đông Dương vận động đòi tự trị cho Việt Nam. Đảng này dùng ba tờ báo: La tribune indochinoise, L'Écho Annamite và Đuốc Nhà Nam làm diễn đàn.
- 31 Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp, Aix-en-Provence, phòng Phủ thống sứ Cao Miên, hồ sơ 227.
- 32 Kho Lưu trữ Hải ngoại Pháp, Aix-en-Provence, phòng Phủ thống sứ Cao Miên, hồ sơ 227.
- 33 Ban Trị sự tạm thời gồm các vị sau:
 Chánh Hội trưởng: Lê Khánh Hòa, Hòa thượng chùa Linh Sơn
 Phó Hội trưởng: Trần Nguyên Chân, Chánh Thừa Biện hạng nhất tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn
 Thủ quỹ: Trần Văn Khuê, Tri huyện tại phòng thứ sáu dinh Soái Phủ Nam Kỳ
 Phó Thủ quỹ: Lê Văn Phổ, thư ký tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn
 Thư ký: Nguyễn Văn Nhơn, thư ký tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn
 Phó thư ký: Phạm Ngọc Vinh, thư ký tại ngân hàng Đông Pháp, Sài Gòn
 Cố vấn: Huỳnh Văn Quyền, Thông phán thượng hạng tại dinh Đốc lý thành phố; Nguyễn Văn Cần, Thừa biện tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn.
- 34 Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D9. 56/58.
- 35 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Lá Bối xuất bản lần thứ nhất, Paris 1985; Lá Bối in lần thứ hai, San-Jose, USA, 1993, tr. 54.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu lưu trữ

1. Kho Lưu trữ Hải ngoại (Aix-en-Provence, Pháp), phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương, hồ sơ 65539.
2. Kho Lưu trữ Hải ngoại (Aix-en-Provence, Pháp), phòng Phủ Thống sứ Cao Miên, hồ sơ 227.
3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D.62/432.
4. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng Phủ Thống đốc Nam Kỳ, hồ sơ D9.56/58.

B. Báo chí giai đoạn thuộc địa

1. G. Robert (1926), “Vì sao đạo Phật đáng cho hết thảy dân cỗi cực Đông sùng bái”, *Đông Pháp*, ngày 13, 16 và 18 tháng 11.

C. Sách tham khảo

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Vietnam*, Paris, Les Indes savantes.
2. Ngô Đức Hoàng (2015), *Building a New House for the Buddha: Buddhist Social Engagement and Revival in Vietnam, 1927-1951*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Université de Washington, Washington.
3. Nguyễn Lang (1985, 1993), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Lá Bối xuất bản lần thứ nhất, Paris; Lá Bối in lần thứ hai, San-Jose, USA.
4. Trần Hồng Liên (1995), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ từ thế kỷ XVII đến năm 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Minh (2007), *Buddhist monastic education and regional revival movements in early twentieth century Vietnam*, Luận án Tiến sĩ triết học, Université de Wisconsin, Madison.
6. Pascal Bourdeaux (2003), *Émergence et constitution de la communauté du Bouddhisme Hòa Hảo: Contribution à l'histoire sociale du delta du Mékong, 1935-1955*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Paris, École Pratique des Hautes Études.
7. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Sài Gòn- Gia Định-Thành phố Hồ Chí Minh, 1600-1992*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract

“PIONEER” ROLE OF MASTER KHÁNH HÒA IN THE BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN VIETNAM FROM 1920 TO 1945 THROUGH THE ARCHIVES’ DOCUMENTS

On the basis of analysing the archives’ data (in France and in Vietnam), the works in Vietnam and theses, the article clarifies the “pioneer” role of Master Khánh Hòa in the Buddhist revival movement in Vietnam during the years 1920-1945 in general and the birth of the Association of Buddhist Studies in the South (Nam Kỳ) in particular.

Keywords: Master Khánh Hòa, movement, revival, Buddhism, archives, Vietnam.